

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2004

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA BÌNH MINH

MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2004	6 - 7
5. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004	8 - 10
6. Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004	11
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004	12 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

- Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được thành lập theo Quyết định số 209/2003/QĐ -BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Nhựa Bình Minh thành Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4613000077 ngày 16 tháng 7 năm 2004 cho phép thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại Tỉnh Bình Dương.
- Vốn điều lệ : 107.180.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ cổ phần Nhà nước chiếm 64,60%, do Ông Lê Quang Doanh, Bà Nguyễn Thị Kim Yến và Ông Bùi Quang Khôi làm đại diện.
 - Tỷ lệ cổ phần bán cho các cổ động khác chiếm 36,40%.
- Trụ sở hoạt động
 - Văn phòng Công ty
Địa chỉ : 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại : 08.9690973
Số Fax : 08.9606814
Mã số thuế : 0301464823
 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh
Địa chỉ : Số 7 đường số 2, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Tỉnh Bình Dương.
Số điện thoại : 08.8968465
Số Fax : 0650.790396
- Hoạt động kinh doanh của Công ty:
 - Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su.
 - Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc.
 - Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất.
 - Tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi và kho tàng.
 - Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm.

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

- Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2004, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 21).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Trong năm Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2004 như sau:	
- Lợi nhuận năm nay	33.154.337.001
- Tạm phân phối lợi nhuận:	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	(8.463.364.980)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	(1.511.315.176)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.700.000.000)
+ Chia cổ tức cho cổ đông	(4.287.200.000)
+ Chi nộp phạt	(2.440.517)
- Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	<u>16.190.016.328</u>

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2004 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	26/12/2003
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	26/12/2003
Ông Bùi Quang Khôi	Uy viên	26/12/2003
Bà Trang Thị Kiều Hậu	Uy viên	26/12/2003
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Uy viên	26/12/2003

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Quang Doanh	Giám đốc	15/01/2004
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Giám đốc	15/01/2004

Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

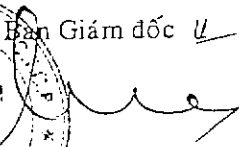
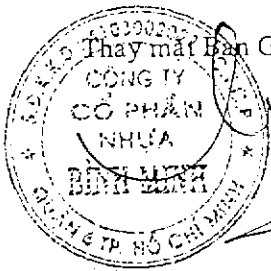
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

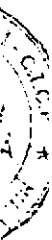
Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2004, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc 


Lê Quang Doanh - Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2006





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City - Tel.: (08) 8 272 295 - Fax: (84.8) 8 272 300
 Branch in Ha Noi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem Dist, Ha Noi City - Tel.: (04) 9 324 133 - Fax: (84.4) 9 324 113
 Branch in Nha Trang - Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel.: (058) 876 555 - Fax: (84.58) 875 327
 Branch in Can Tho : 103 CMT8 St., An Hoa Ward, Ninh Kieu Dist, Can Tho City - Tel.: (071) 764 995 - Fax: (84.71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 2154/2006/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2004 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2004 của Cổ phần Nhựa Bình Minh gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2004, Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27 tháng 12 năm 2005, từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

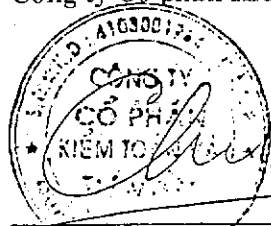
Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, các Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2004, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: D.0100/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2004

ĐVT: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
100	A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		-	139.013.565.387
110	I. Tiền		-	6.137.695.373
111	1. Tiền mặt tại quỹ	9a	-	735.651.169
112	2. Tiền gửi Ngân hàng	9b	-	5.402.044.204
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu		-	49.085.714.309
131	1. Phải thu của khách hàng	10a	-	36.429.017.261
132	2. Trả trước cho người bán	10b	-	8.585.758.567
133	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	2.451.281.201
138	4. Các khoản phải thu khác	10d	-	1.752.300.000
139	5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	7	-	(132.642.720)
140	IV. Hàng tồn kho	6, 11	-	80.046.279.833
142	1. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho		-	38.065.091.323
143	2. Công cụ, dụng cụ trong kho		-	242.209.025
144	3. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		-	20.397.285.536
145	4. Thành phẩm tồn kho		-	21.341.693.949
150	V. Tài sản lưu động khác		-	3.743.875.872
151	1. Tạm ứng		-	38.200.000
154	2. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	15.779.427
155	3. Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10e	-	3.689.896.445
160	VI. Chi sự nghiệp		-	-
200	B- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		-	103.516.118.405
210	I. Tài sản cố định		-	77.927.336.516
211	Tài sản cố định hữu hình	5, 12	-	77.927.336.516
212	- Nguyên giá		-	172.017.363.837
213	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(94.090.027.321)
220	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
230	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn		-	-
241	V. Chi phí trả trước dài hạn	13	-	25.588.781.889
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		-	242.529.683.792

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2004

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		-	107.245.473.146
310	I. Nợ ngắn hạn		-	82.991.430.291
311	1. Vay ngắn hạn	14a	-	54.138.773.300
312	2. Nợ dài hạn đến hạn trả	14h	-	4.338.000.000
313	3. Phải trả cho người bán	14c	-	2.470.671.657
314	4. Người mua trả tiền trước		-	113.337.299
315	5. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	14e	-	864.737.971
316	6. Phải trả công nhân viên	14f	-	5.390.534.273
318	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14g	-	15.675.375.791
320	II. Nợ dài hạn		-	24.131.603.000
321	Vay dài hạn	14h	-	24.131.603.000
330	III. Nợ khác		-	122.439.855
331	1. Chi phí phải trả	15	-	75.996.568
332	2. Tài sản thừa chờ xử lý		-	46.443.287
400	B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		-	135.284.210.646
410	I. Nguồn vốn, quỹ		-	133.344.696.484
411	1. Nguồn vốn kinh doanh	16	-	107.180.000.000
414	2. Quỹ đầu tư phát triển	16	-	8.463.364.980
415	3. Quỹ dự phòng tài chính	16	-	1.511.315.176
416	4. Lợi nhuận chưa phân phối	17	-	16.190.016.328
420	II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		-	1.939.514.162
422	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	16	-	1.939.514.162
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		-	242.529.683.792

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

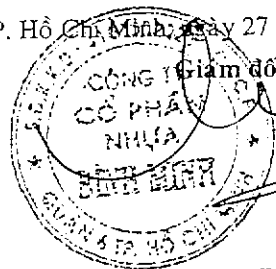
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối kỳ
1. Ngoại tệ các loại			
EURO		-	4.401,64
USD		-	14.688,07
2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có			-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2005

Kế toán trưởng



Trang Thị Kiều Hậu



Lê Quang Doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN I: LÃI/(LỖ)

ĐVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8	-	338.639.969.248
03	Các khoản giảm trừ		-	292.655.916
06	+ hàng bán bị trả lại		-	292.655.916
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	-	338.347.313.332
11	2. Giá vốn hàng bán	19	-	279.711.464.599
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	58.635.848.733
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	-	569.130.308
22	5. Chi phí tài chính	22	-	3.231.075.866
23	Trong đó : Chi phí lãi vay		-	3.088.169.239
24	6. Chi phí bán hàng		-	3.737.319.289
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	-	19.285.057.919
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		-	32.951.525.967
31	9. Thu nhập khác	24	-	296.774.962
32	10. Chi phí khác	25	-	93.963.928
40	11. Lợi nhuận khác		-	202.811.034
50	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		-	33.154.337.001
51	13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14e	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế	17	-	33.154.337.001

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

ĐVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Số còn phải nộp đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
			Phải nộp	Đã nộp	
10	I. Thuế	-	28.116.265.096	27.251.527.125	864.737.971
11	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	5.741.115.637	5.741.115.637	-
12	2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.641.919.846	12.641.919.846	-
14	3. Thuế xuất nhập khẩu	-	2.219.585.457	1.445.063.247	774.522.210
15	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.885.623.932	4.885.623.932	-
19	5. Tiền thuê đất	-	29.988.700	29.988.700	-
20	6. Các loại thuế khác	-	2.598.031.524	2.507.815.763	90.215.761
	Thuế thu nhập cá nhân	-	2.595.031.524	2.504.815.763	90.215.761
	Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
30	II. Các khoản phải nộp khác	-	4.148.935.143	4.148.935.143	-
	Phụ thu chênh lệch giá	-	4.148.935.143	4.148.935.143	-
40	TỔNG CỘNG	-	32.265.200.239	31.400.462.268	864.737.971

Số thuế phải nộp bao gồm số thuế nhận số dư từ Công ty Nhựa Bình Minh chuyển sang như sau:

Thuế GTGT hàng bán nội địa	(399.888.512)
Thuế xuất nhập khẩu	32.760.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.885.623.932
Thuế thu nhập cá nhân	2.247.016.791
	<u>6.765.512.212</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

**PHẦN III: THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN LẠI
THUẾ GTGT ĐƯỢC GIẢM, THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA**

ĐVT: đồng

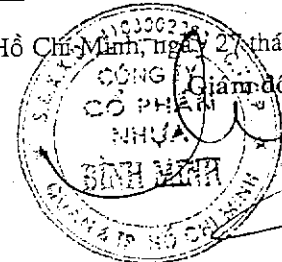
Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay
	I. Thuế GTGT được khấu trừ		
10	1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu năm	-	-
11	2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	-	29.928.817.954
12	3. Số thuế GTGT đã khấu trừ, đã hoàn lại, thuế GTGT hàng mua trả lại và không được khấu trừ	-	27.477.536.753
	Trong đó:		
13	a. Số thuế GTGT đã khấu trừ	-	27.477.536.753
14	b. Số thuế GTGT đã hoàn lại	-	-
15	c. Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	-	-
16	d. Số thuế GTGT không được khấu trừ	-	-
17	4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	-	2.451.281.201
	II. Thuế GTGT được hoàn lại		
20	1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu năm	-	-
21	2. Số thuế GTGT được hoàn lại phát sinh	-	-
22	3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	-	-
23	4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ	-	-
	III. Thuế GTGT được giảm		
30	1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu năm	-	-
31	2. Số thuế GTGT được giảm phát sinh	-	-
32	3. Số thuế GTGT đã được giảm	-	-
33	4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ	-	-
	IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa		
40	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu năm	-	-
41	2. Thuế GTGT đầu ra phát sinh	-	33.247.917.978
42	3. Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	-	27.477.536.753
43	4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	-	29.265.588
44	5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	-	-
45	6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào Ngân sách Nhà nước	-	5.741.115.637
46	7. Thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2005

Kế toán trưởng



Trang Thị Kiều Hậu



Lê Quang Doanh

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

(Theo phương pháp gián tiếp)

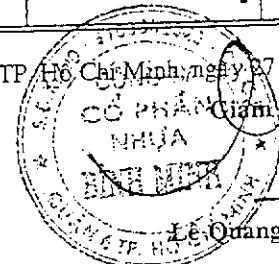
ĐVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm trước	Năm nay
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		-	33.154.337.001
02	2. Điều chỉnh cho các khoản	12	-	30.070.568.347
	- Khấu hao tài sản cố định		-	132.642.720
03	- Các khoản dự phòng		-	(124.983.300)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(117.406.007)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	24, 25	-	3.088.169.239
06	- Chi phí lãi vay	22	-	66.203.328.000
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		-	7.324.594.939
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		-	(49.010.794.859)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	(11.604.426.466)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		-	(10.300.874.714)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	(3.088.169.239)
13	- Tiền lãi vay đã trả	22	-	(4.885.623.932)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	7.327.663.537
15	- Tiền thu từ các khoản khác		-	(6.795.467.942)
16	- Tiền chi cho các khoản khác		-	(4.829.770.676)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(31.242.786.957)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	24	-	210.563.310
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(31.032.223.647)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	17a, 17h	-	157.936.958.354
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	17a, 17h	-	(122.103.717.344)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.523.080.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			34.310.161.010
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		-	(1.551.833.313)
60	Nhận số dư đầu năm		-	7.689.528.686
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		-	6.137.695.373

Kế toán trưởng

Trang Thị Kiều Hậu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2005



Lê Quang Doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (gọi tắt là Công ty).

Năm 2004 là năm tài chính đầu tiên của Công ty kể từ khi chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

A. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<i>Hình thức sở hữu vốn</i>	:	Cổ phần.
<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	:	Sản xuất, thương mại và dịch vụ.
<i>Tổng số nhân viên</i>	:	382 người
<i>Trong đó nhân viên quản lý</i>	:	17 người

B. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG DOANH NGHIỆP

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Niên độ kế toán**
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**
Công ty áp dụng hình thức nhật ký chứng từ.
- 4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**
 - Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.
 - Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (đồng).
 - Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh.
 - Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo tại thời điểm ngày 31/12/2004 là 15.739 đồng/USD.
- 5. Phương pháp kế toán tài sản cố định**
 - **Nguyên tắc đánh giá**
 - Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
 - Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

- Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

• Phương pháp khấu hao áp dụng

- TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Thời gian khấu hao áp dụng cho từng loại tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận chuyển	6
Thiết bị quản lý	3 - 5

6. Phương pháp kế toán hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ. Mức trích lập là 100% nợ phải thu được xác định là khó đòi.

8. Phương pháp ghi nhận doanh thu và chi phí

- Doanh thu được ghi nhận khi phát hành hoá đơn tài chính.
- Chi phí được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

C. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Tiền

9a. Tiền mặt

- Đồng Việt Nam
- USD quy Đồng Việt Nam
- Cộng

694.086.721

41.564.448

735.651.169

9b. Tiền gửi Ngân hàng

- Đồng Việt Nam
- USD quy Đồng Việt Nam
- Cộng

5.120.032.275

282.011.929

5.402.044.204

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

10. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
(a) Phải thu của khách hàng	-	-	36.429.017.261	132.642.720
(b) Trả trước cho người bán	-	-	8.585.758.567	-
(c) Tam ứng	-	-	38.200.000	-
(d) Các khoản phải thu khác	-	-	1.752.300.000	-
(e) Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	3.689.896.445	-
Cộng	-	-	50.495.172.273	132.642.720

10a. Phải thu khách hàng

- Công ty TNHH Phương Hoàng	4.658.816.057
- Cửa hàng Bùi Xuân Đường	4.205.452.500
- Cửa hàng Tường Vân	3.007.693.591
- Công ty Cổ phần Đại Lợi	2.952.029.740
- Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Kim Lợi	2.101.325.209
- Cửa hàng Lê Thị Hiền	1.814.199.062
- Cửa hàng Dìn 109	1.713.835.759
- Doanh nghiệp tư nhân Vũ Điệp	1.673.983.409
- Công ty TNHH Thành Đô	1.187.836.100
- Công ty TNHH Đăng Hưng	1.099.959.344
- Các khách hàng khác	12.013.886.490
Cộng	36.429.017.261

10b. Trả trước người bán

- Công ty Thái Plastic	7.649.286.000
- Công ty TNHH cơ khí chính xác Hà Trần	494.500.000
- Công ty Cổ phần giải pháp phần mềm AZ	207.010.215
- Các nhà cung cấp khác	234.962.352
Cộng	8.585.758.567

10d. Khoản phải thu khác

- Công đoàn Nhựa Bình Minh - vay hộ nhân viên	1.572.300.000
- Công ty TNHH Tân Tiến - mượn vật tư	180.000.000
Cộng	1.752.300.000

10e. Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn

- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - bảo lãnh dự thầu	383.092.067
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - mở thư tín dụng	3.306.804.378
Cộng	3.689.896.445

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

11. Hàng tồn kho	38.065.091.323
• Nguyên vật liệu	33.722.132.974
- Nguyên vật liệu chính	1.037.020.207
- Vật liệu phụ	1.381.608
- Nhiên liệu	1.407.704.229
- Phụ tùng thay thế	1.896.852.305
- Phế liệu	242.209.025
• Công cụ dụng cụ	20.397.285.536
• Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.012.323.793
- Khâu trộn	11.054.774.856
- Khâu sản xuất ống	404.287.669
- Khâu sản xuất phụ tùng	925.899.218
- Khâu sản xuất bình xịt	21.341.693.949
• Thành phẩm	13.580.538.196
- Ống PVC	3.976.071.024
- Phụ tùng ống	3.785.084.729
- Các thành phẩm khác (bình xịt, keo dán)	<u>80.046.279.833</u>
Cộng	80.046.279.833

12. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định tăng trong năm là do xây dựng kho phân xưởng, trạm biến áp và mua sắm máy móc thiết bị, xe nâng, máy in...
- Tài sản cố định giảm trong kỳ do chuyển tài sản cố định có nguyên giá dưới 10 triệu đồng sang công cụ và thanh lý.
- Chi tiết tài sản cố định đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị quản lý	Cộng
• Nguyên giá					
- Nhận số dư đầu năm	22.215.835.219	114.210.955.182	3.944.331.061	791.326.335	141.162.447.797
- Tăng trong kỳ	9.176.815.610	22.108.317.190	14.238.095	50.206.764	31.349.577.659
Trong đó:					
+ Mua sắm mới	-	22.108.317.190	14.238.095	50.206.764	22.172.762.049
+ Xây dựng mới	9.176.815.610	-	-	-	9.176.815.610
- Giảm trong kỳ	34.000.000	332.476.288	-	128.185.331	494.661.619
Trong đó:					
+ Chuyển sang công cụ	4.000.000	111.091.945	-	128.185.331	243.277.276
+ Thanh lý	30.000.000	221.384.343	-	-	251.384.343
- Số cuối kỳ	31.358.650.829	135.986.796.084	3.958.569.156	713.347.768	172.017.363.837
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	12.626.762.848	30.287.959.514	1.607.049.720	326.967.142	44.848.739.224
• Giá trị hao mòn					
- Nhận số dư đầu năm	12.139.386.948	53.682.145.285	2.276.540.667	547.887.386	68.645.960.286
- Tăng trong kỳ	5.845.634.962	19.213.560.889	583.171.278	127.702.651	25.770.069.780
- Giảm trong kỳ	34.000.000	205.497.081	-	86.505.664	326.002.745
Trong đó:					
+ Chuyển sang công cụ	4.000.000	77.270.041	-	86.505.664	167.775.705
+ Thanh lý	30.000.000	128.227.040	-	-	158.227.040
- Số cuối kỳ	17.951.021.910	72.690.209.093	2.859.711.945	589.084.373	94.090.027.321
• Giá trị còn lại					
- Nhận số dư đầu năm	10.076.448.271	60.528.809.897	1.667.790.394	243.438.949	72.516.487.511

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị quản lý	Cộng
- Số cuối kỳ	13.407.628.919	63.296.586.991	1.098.857.211	124.263.395	77.927.336.516
Trong đó:					
Cầm cố thế chấp	18.731.887.981	92.093.261.769			110.825.149.750

Tài sản cố định của Công ty được cầm cố cho Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 để vay vốn theo các Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản sau:

- Số 04.42.0025 ngày 16 tháng 01 năm 2004
- Số 04.42.0038 ngày 05 tháng 3 năm 2004
- Số 04.42.0039 ngày 05 tháng 3 năm 2004
- Số 04.42.0068 ngày 31 tháng 5 năm 2004
- Số 04.42.0069 ngày 31 tháng 5 năm 2004.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất	Lợi thế thương mại	Cộng
- Nhận số dư đầu năm	6.608.830.722	11.693.046.925	18.301.877.647
- Tăng trong kỳ	11.693.577.115	-	11.693.577.115
- Phân bổ trong kỳ	181.675.877	4.224.996.996	4.406.672.873
- Số cuối kỳ	18.120.731.960	7.468.049.929	25.588.781.889

Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 được phân bổ từ 41 - 50 năm.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong 3 năm.

14. Các khoản nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Tổng số	Số quá hạn	Tổng số	Số quá hạn
I. Nợ ngắn hạn	-	-	82.991.430.291	-
a. Vay ngắn hạn	-	-	54.138.773.300	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	4.338.000.000	-
c. Phải trả cho người bán	-	-	2.470.671.657	-
d. Người mua trả tiền trước	-	-	113.337.299	-
e. Các khoản thuế phải nộp	-	-	864.737.971	-
f. Phải trả công nhân viên	-	-	5.390.534.273	-
g. Phải trả khác	-	-	15.675.375.791	-
II. Nợ dài hạn	-	-	24.131.603.000	-
h. Vay dài hạn	-	-	24.131.603.000	-
Cộng	-	-	107.123.033.291	-

14a. Vay ngắn hạn

Đối tượng vay	Nhận số dư đầu năm	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6	40.626.615.590	128.656.975.054	118.844.817.344	50.438.773.300
- Vay cá nhân	1.900.000.000	3.800.000.000	2.000.000.000	3.700.000.000
Cộng	42.526.615.590	132.456.975.054	120.844.817.344	54.138.773.300

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004

Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 theo Hợp đồng vay số 04.42.0411/HĐTD ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số 12a) và giá trị quyền sử dụng đất thuê tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1.

14c. Phải trả người bán

- Công ty Xây lắp và vật tư xây dựng 2	832.422.171
- Công ty TNHH Trung Nam	279.940.241
- Công ty Cổ phần TBA	407.967.443
- Công ty Thương mại XNK Thành Lễ	338.711.119
- Các khách hàng khác	611.630.683
Cộng	<u>2.470.671.657</u>

14e. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bình xít nhựa: 5%
- Các sản phẩm nhựa khác: 10%.

• Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên lợi nhuận thu được. Tuy nhiên Công ty tự khai thuộc diện được hưởng ưu đãi đầu tư, được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Năm 2004 là năm hoạt động đầu tiên có lãi nên không dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

• Thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

14f. Phải trả công nhân viên

Công ty thực hiện chế độ lương khoán theo doanh thu. Đơn giá tiền lương năm 2004 được duyệt theo Quyết định số 411/QĐ-BM/TC/2004 ngày 16 tháng 7 năm 2004 của Hội đồng quản trị là 65 đồng/1.000 doanh thu.

14g. Các khoản phải trả khác

- Vốn nhà nước, cổ tức phải trả cho Bộ Công nghiệp	15.304.933.447
- Các khoản phải trả khác	370.442.344
Cộng	<u>15.675.375.791</u>

14h. Vay dài hạn

Đối tượng vay	Nhận số dư đầu năm	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số cuối kỳ
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6	-	24.955.000.000	950.000.000	24.005.000.000
- Vay cá nhân	4.373.503.000	400.000.000	308.900.000	4.464.603.000
Cộng	4.373.503.000	25.355.000.000	1.258.900.000	28.469.603.000

- Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 theo hai Hợp đồng sau:
 - Hợp đồng vay số 04.42.0059/HĐTD ngày 19 tháng 01 năm 2004, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 0,875 %/ tháng, để thanh toán tiền thuê đất và xây dựng kho. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định (xem thuyết minh số 12) và giá trị quyền sử dụng đất thuê tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1.
 - Hợp đồng vay số 04.42.0224/HĐTD ngày 05 tháng 3 năm 2004, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 0,8 %/ tháng, để mua máy ép dùn. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định (xem thuyết minh số 12).
- Chi tiết phát sinh Vay dài hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 theo Hợp đồng như sau:

	Hợp đồng vay số 04.42.0059	Hợp đồng vay số 04.42.0224	Cộng
- Số tiền đã vay trong kỳ	10.255.000.000	14.700.000.000	24.955.000.000
- Đã thanh toán	950.000.000	-	950.000.000
- Chuyển nợ dài hạn đến hạn trả	2.280.000.000	2.058.000.000	4.338.000.000
- Số cuối kỳ	7.025.000.000	12.642.000.000	19.667.000.000

15. Chi phí phải trả

Trích Quỹ trợ cấp mất việc làm với mức trích là 3% trên Tổng quỹ lương đóng Bảo hiểm xã hội.

16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Nhận số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
• Nguồn vốn kinh doanh	108.907.471.054	-	1.727.471.054	107.180.000.000
• Các quỹ	-	9.974.680.156	-	9.974.680.156
- Quỹ đầu tư phát triển	-	8.463.364.980	-	8.463.364.980
- Quỹ dự phòng tài chính	-	1.511.315.176	-	1.511.315.176
• Quỹ khác	1.887.198.142	2.731.447.000	2.679.130.980	1.939.514.162
- Quỹ khen thưởng	1.055.216.239	1.900.000.000	1.652.840.000	1.302.376.239
- Quỹ phúc lợi	831.981.903	831.447.000	1.026.290.980	637.137.923
Cộng	110.794.669.196	12.706.127.156	4.406.602.034	119.094.194.318

16a. Nguồn vốn kinh doanh

<i>Cổ đông</i>	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Vốn Nhà nước	691.030	69.103.000.000	64,47%
- Các cổ đông khác	380.770	38.077.000.000	35,53%
Cộng	1.071.800	107.180.000.000	100%

16b. Các quỹ Công ty

- Các quỹ tăng do tạm trích trên lợi nhuận sau thuế năm 2004 và thu lãi và cổ tức của Công đoàn.
- Các quỹ giảm do Công ty chi khen thưởng và phúc lợi cho công nhân viên.

17. Lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận năm nay	33.154.337.001
- Tạm phân phối lợi nhuận:	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	(8.463.364.980)
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	(1.511.315.176)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.700.000.000)
+ Chia cổ tức cho cổ đông	(4.287.200.000)
+ Chi nộp phạt	(2.440.517)
- Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	<u>16.190.016.328</u>

18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Thành phẩm	336.170.794.431
- Nguyên liệu, phế liệu, công cụ...	2.176.518.901
Cộng	<u>338.347.313.332</u>

19. Giá vốn hàng bán

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	268.087.631.063
- Chi phí nhân công trực tiếp	10.828.437.120
- Chi phí sản xuất chung	43.078.783.372
Tổng chi phí sản xuất trong năm	321.994.851.555
- Cộng: nhận số dư đầu năm	10.315.036.412
- Cộng: thành phẩm nhập tái chế lại	211.791.263
- Cộng: kiểm kê thừa	46.443.287
- Trừ: giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	20.397.285.536
- Trừ: kiểm kê thiếu	15.779.427
- Trừ: nhập hoàn kho	18.094.268.913
Tổng giá thành sản phẩm sản xuất trong năm	294.060.788.641
- Cộng: nhận số dư đầu năm	5.195.517.013
- Trừ: thành phẩm tồn cuối kỳ	21.341.693.949
- Trừ: thành phẩm tái chế lại	211.791.263
Giá vốn thành phẩm bán trong năm	277.702.820.442
Cộng giá vốn nguyên vật liệu bán trong năm	2.008.644.157
Tổng giá vốn hàng bán trong năm	<u>279.711.464.599</u>

20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Yếu tố chi phí	Năm nay
- Chi phí nguyên vật liệu	271.831.743.374
- Chi phí nhân công	22.716.770.889
- Chi phí khấu hao	29.995.066.776
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.324.682.201
- Chi phí khác bằng tiền	11.148.965.523
Cộng	345.017.228.763

21. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi	270.752.735
- Lãi cho nhân viên vay	166.025.600
- Lãi chênh lệch tỷ giá	132.351.973
Cộng	569.130.308

22. Chi phí tài chính

- Lãi vay ngân hàng	2.534.766.839
- Lãi vay cá nhân	553.402.400
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	142.906.627
Cộng	3.231.075.866

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	7.263.302.553
- Chi phí dụng cụ quản lý	2.050.739.733
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.898.865.855
- Chi phí thuế và lệ phí	4.078.500
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	132.642.720
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	440.884.661
- Chi phí khác	4.494.543.897
Cộng	19.285.057.919

24. Thu nhập khác

- Bán thanh lý TSCĐ	210.563.310
- Thu nộp phạt trễ hợp đồng	50.590.000
- Thu khác	35.621.652
Cộng	296.774.962

25. Chi phí khác

- Giá trị còn lại tài sản thanh lý	93.157.303
- Chi phí khác	806.625
Cộng	93.963.928

26. Tình hình thu nhập của công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm nay
Tổng tiền lương	21.855.221.638
Tiền thưởng	1.652.840.000
Tổng thu nhập	23.508.061.638
Tiền lương bình quân tháng	4.767.719
Thu nhập bình quân tháng	5.128.286

D. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản cố định/ Tổng số tài sản	%	-	42,68
- Tài sản lưu động/ Tổng số tài sản	%	-	57,32
<i>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	-	44,22
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	-	55,78
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	-	2,26
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	-	1,68
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	-	0,07
3. Tỷ suất sinh lời			
<i>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	-	9,77
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	-	9,77
<i>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	-	13,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	-	13,67
<i>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</i>	%	-	24,86

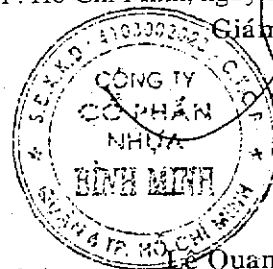
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2005

Kế toán trưởng



Trang Thị Kiều Hậu

Giám đốc




Lê Quang Doanh